

Số: 104/2020/QĐST-HNGĐ

C, ngày 18 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 161/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Thanh Bình, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Thanh Bình, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị T có hai con chung là cháu Bùi Thị Kiều N, sinh ngày 04/03/2011 và cháu Bùi Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 30/9/2013. Ly hôn, theo nguyện vọng của các con và sự thỏa thuận của giữa ông C và bà T:

Giao hai con chung của họ là cháu Bùi Thị Kiều N, sinh ngày 04/03/2011 và cháu Bùi Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 30/9/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của ông Bùi Văn C về việc cấp dưỡng cho cháu Bùi Thị Kiều N và cháu Bùi Nguyễn Nguyệt A mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000đồng/tháng). Việc cấp dưỡng được ông Bùi Văn C thực hiện từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 cho đến khi hai con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Về án phí: Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, ông Bùi Văn C phải chịu 75.000 đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu 75.000 đồng, ông C tự nguyện chịu thay cho bà T số tiền 75.000 đồng; ông Bùi Văn C phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tất cả được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Bùi Văn C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003026 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nay Lu Vinh